



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3-PA1

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.
2. Quyết định này áp dụng đối với:
 - a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - b) Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - c) Đơn vị bán lẻ điện mua điện từ Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - d) Đơn vị bán lẻ điện tại nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia;
 - đ) Tổ chức, cá nhân sử dụng điện.

Điều 2. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

1. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện là bảng kê tỷ lệ phần trăm (%) của mức giá bán lẻ điện bình quân để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trường hợp cơ cấu tiêu thụ điện thay đổi, căn cứ mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền, giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được phép điều chỉnh trong phạm vi $\pm 2\%$ so với tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được xác định căn cứ mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 3. Giá bán lẻ điện

1. Giá bán lẻ điện được quy định chi tiết cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện, bao gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt, trạm/trụ sạc xe điện và cơ sở lưu trú du lịch quy định tại Điều 48 Luật Du lịch năm 2017.

2. Giá bán lẻ điện theo các cấp điện áp: cao áp trên 35 kV (bao gồm cấp điện áp từ trên 35 kV đến dưới 220 kV và cấp điện áp từ 220 kV trở lên); trung áp từ 01 kV đến 35 kV; hạ áp dưới 01 kV áp dụng cho các nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, trạm/trụ sạc xe điện và cơ sở lưu trú du lịch.

3. Giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày cho mục đích sản xuất, kinh doanh, cơ sở lưu trú du lịch, trạm/trụ sạc xe điện tại các cấp điện áp được áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện đủ điều kiện.

4. Giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sinh hoạt gồm 5 bậc có mức giá tăng dần nhằm khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

5. Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước được áp dụng khi điều kiện kỹ thuật cho phép đối với nhóm khách hàng mua điện tạm thời và mua điện ngắn hạn sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt.

6. Áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia.

Chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện; đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi

phí được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính.

Điều 4. Hỗ trợ tiền điện

1. Hộ nghèo theo tiêu chí về thu nhập do Thủ tướng Chính phủ quy định được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt, mức hỗ trợ hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

2. Hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (không thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo quy định tại khoản 1 Điều này) và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh được hỗ trợ tiền điện tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

3. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định và hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương xác định đối tượng cơ sở lưu trú du lịch áp dụng giá bán điện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan xây dựng tiêu chí hộ chính sách xã hội được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc tính toán tiền hỗ trợ hàng năm cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;

b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định;

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023, thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và được áp dụng kể từ ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện tiếp tục có hiệu lực thi hành từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục
CƠ CẤU BIỂU GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%)
1	Giá bán lẻ điện cho sản xuất	
1.1	Cấp điện áp cao áp trên 35 kV	
1.1.1	Cấp điện áp từ 220 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	78%
	b) Giờ thấp điểm	52%
	c) Giờ cao điểm	139%
1.1.2	Cấp điện áp từ trên 35 kV đến dưới 220 kV	
	a) Giờ bình thường	82%
	b) Giờ thấp điểm	56%
	c) Giờ cao điểm	148%
1.2	Cấp điện áp trung áp (từ 01 kV đến 35 kV)	
	a) Giờ bình thường	83%
	b) Giờ thấp điểm	60%
	c) Giờ cao điểm	154%
1.3	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	
	a) Giờ bình thường	90%
	b) Giờ thấp điểm	67%
	c) Giờ cao điểm	165%
2	Giá bán lẻ điện cho hành chính sự nghiệp	
2.1	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục	
2.1.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	90%
2.1.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	96%
2.2	Chiếu sáng công cộng, đơn vị hành chính sự nghiệp	
2.2.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	99%
2.2.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	103%

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%)
3	Giá bán lẻ điện cho trạm/trụ sạc xe điện	
3.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	112%
	b) Giờ thấp điểm	68%
	c) Giờ cao điểm	175%
3.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	
	a) Giờ bình thường	119%
	b) Giờ thấp điểm	70%
	c) Giờ cao điểm	205%
4	Giá bán lẻ điện cho kinh doanh	
4.1	Giá bán lẻ điện cho Cơ sở lưu trú du lịch	
4.1.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	83%
	b) Giờ thấp điểm	60%
	c) Giờ cao điểm	154%
4.1.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	
	a) Giờ bình thường	90%
	b) Giờ thấp điểm	67%
	c) Giờ cao điểm	165%
4.2	Giá bán lẻ điện cho các hộ kinh doanh khác	
4.2.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	133%
	b) Giờ thấp điểm	75%
	c) Giờ cao điểm	230%
4.2.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	
	a) Giờ bình thường	145%
	b) Giờ thấp điểm	89%
	c) Giờ cao điểm	248%
5	Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt	
5.1	Giá bán lẻ điện sinh hoạt	

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%)
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 100	90%
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	108%
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	136%
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	162%
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	180%
5.2	Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước	132%



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3-PA2

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quyết định này quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.
- Quyết định này áp dụng đối với:
 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - Đơn vị bán lẻ điện mua điện từ Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - Đơn vị bán lẻ điện tại nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia;
 - Tổ chức, cá nhân sử dụng điện.

Điều 2. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

1. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện là bảng kê tỷ lệ phần trăm (%) của mức giá bán lẻ điện bình quân để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trường hợp cơ cấu tiêu thụ điện thay đổi, căn cứ mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền, giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được phép điều chỉnh trong phạm vi $\pm 2\%$ so với tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được xác định căn cứ mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 3. Giá bán lẻ điện

1. Giá bán lẻ điện được quy định chi tiết cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện, bao gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt và cơ sở lưu trú du lịch quy định tại Điều 48 Luật Du lịch năm 2017.

2. Giá bán lẻ điện theo các cấp điện áp: cao áp trên 35 kV (bao gồm cấp điện áp từ trên 35 kV đến dưới 220 kV và cấp điện áp từ 220 kV trở lên); trung áp từ 01 kV đến 35 kV; hạ áp dưới 01 kV áp dụng cho các nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp và cơ sở lưu trú du lịch.

3. Giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày cho mục đích sản xuất, kinh doanh, cơ sở lưu trú du lịch tại các cấp điện áp được áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện đủ điều kiện.

4. Giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sinh hoạt gồm 5 bậc có mức giá tăng dần nhằm khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

5. Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước được áp dụng khi điều kiện kỹ thuật cho phép đối với nhóm khách hàng mua điện tạm thời và mua điện ngắn hạn sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt.

6. Áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia.

Chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện; đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất

của Bộ Tài chính.

Điều 4. Hỗ trợ tiền điện

1. Hộ nghèo theo tiêu chí về thu nhập do Thủ tướng Chính phủ quy định được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt, mức hỗ trợ hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

2. Hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (không thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo quy định tại khoản 1 Điều này) và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh được hỗ trợ tiền điện tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

3. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định và hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương xác định đối tượng cơ sở lưu trú du lịch áp dụng giá bán điện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan xây dựng tiêu chí hộ chính sách xã hội được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc tính toán tiền hỗ trợ hàng năm cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;

b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định;

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023, thay

thể Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và được áp dụng kể từ ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện tiếp tục có hiệu lực thi hành từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục
CƠ CẤU BIỂU GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%)
1	Giá bán lẻ điện cho sản xuất	
1.1	Cấp điện áp cao áp trên 35 kV	
1.1.1	Cấp điện áp từ 220 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	78%
	b) Giờ thấp điểm	52%
	c) Giờ cao điểm	139%
1.1.2	Cấp điện áp từ trên 35 kV đến dưới 220 kV	
	a) Giờ bình thường	82%
	b) Giờ thấp điểm	56%
	c) Giờ cao điểm	148%
1.2	Cấp điện áp trung áp (từ 01 kV đến 35 kV)	
	a) Giờ bình thường	83%
	b) Giờ thấp điểm	60%
	c) Giờ cao điểm	154%
1.3	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	
	a) Giờ bình thường	90%
	b) Giờ thấp điểm	67%
	c) Giờ cao điểm	165%
2	Giá bán lẻ điện cho hành chính sự nghiệp	
2.1	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục	
2.1.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	90%
2.1.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	96%
2.2	Chiếu sáng công cộng, đơn vị hành chính sự nghiệp	
2.2.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	99%
2.2.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	103%

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%)
3	Giá bán lẻ điện cho kinh doanh	
3.1	Giá bán lẻ điện cho Cơ sở lưu trú du lịch	
3.1.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	83%
	b) Giờ thấp điểm	60%
	c) Giờ cao điểm	154%
3.1.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	
	a) Giờ bình thường	90%
	b) Giờ thấp điểm	67%
	c) Giờ cao điểm	165%
3.2	Giá bán lẻ điện cho các hộ kinh doanh khác	
3.2.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (từ 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	133%
	b) Giờ thấp điểm	75%
	c) Giờ cao điểm	230%
3.2.2	Cấp điện áp hạ áp dưới 01 kV	
	a) Giờ bình thường	145%
	b) Giờ thấp điểm	89%
	c) Giờ cao điểm	248%
4	Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt	
4.1	Giá bán lẻ điện sinh hoạt	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 100	90%
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	108%
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	136%
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	162%
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	180%
4.2	Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước	132%